

ĐIỂM CHUẨN CÁC NGÀNH HỌC ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ – ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI 2018

Trường Đại học Công nghệ, Đại học Quốc gia Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 92/2004/QĐ-TTg ngày 25/05/2004 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Khoa Công nghệ và Trung tâm Hợp tác Đào tạo và Bồi dưỡng Cơ học trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội với hai nhiệm vụ:

1. Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học và bồi dưỡng nhân tài thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ;
2. Nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

Địa chỉ: E3, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 024.37547.461; Fax: 024.37547.460

Điểm chuẩn trường Đại Học Công Nghệ – Đại Học Quốc Gia Hà Nội 2018:

BẤM XEM TẠI ĐÂY => <https://doctailieu.com/diem-chuan-cac-nganh-hoc-dai-hoc-cong-nghe--dai-hoc-quoc-gia-ha-noi>

Tham khảo điểm chuẩn của các năm trước

Điểm chuẩn các ngành học năm 2017:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	CN1	Công nghệ Thông tin	A00; A01; D07	26	
2	CN2	Máy tính và Robot	A00; A01; D07	---	
3	CN3	Vật lý kỹ thuật	A00; A01; D07	19	
4	CN4	Cơ kỹ thuật	A00; A01; D07	23.5	
5	CN5	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	A00; A01; D07	23.5	
6	CN6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	A00; A01; D07	23.5	
7	CN7	Công nghệ Hàng không vũ trụ	A00; A01; D07	---	
8	CN8	Khoa học máy tính	A00; A01; D07	26	

			D07		
9	CN9	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	A00; D07	A01; 26	

Dữ liệu điểm chuẩn năm 2016:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	QHITD2	Công nghệ kỹ thuật Xây dựng-Giao thông	A00; A02	---	
2	QHITD1	Kỹ thuật năng lượng	A00; A02	81	
3	7520401	Vật lý kỹ thuật	A00; A02	87	
4	7520214	Kỹ thuật máy tính	A00; A02	---	
5	7520101	Cơ kỹ thuật	A00; A02	87	
6	7510302CLC	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông (CLC)	A01; D07; D08	125	
7	7510302	Công nghệ kỹ thuật điện tử, truyền thông	A00; A02	95	
8	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	A00; A02	94	
9	7480201NB	Công nghệ Thông tin định hướng thị trường Nhật Bản	A00; A02	---	
10	7480201	Công nghệ thông tin	A00; A02	103	
11	7480104	Hệ thống thông tin	A00; A02	98	
12	7480102	Truyền thông và mạng máy tính	A00; A02	98	
13	7480101CLC	Khoa học Máy tính (CLC)	A01; D07; D08	125	
14	7480101	Khoa học máy tính	A00; A02	98	

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2018:

STT	Mã trường	Mã ngành/ nhóm ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
				Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính	Mã tổ hợp môn	Môn chính
1. Trường Đại học Công nghệ											
1.1	QHI	CN1	Công nghệ thông tin	A00		A01		A02		D07-08	
1.2	QHI		Công nghệ	A00		A01		A02		D07-	

			thông tin định hướng thị trường Nhật Bản						08		
1.3	QHI		Hệ thống thông tin	A00		A01		A02	D07- 08		
1.4	QHI		Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	A00		A01		A02	D07- 08		
1.5	QHI	CN2	Kỹ thuật robot*	A00		A01		D07			
1.6	QHI		Kỹ thuật máy tính	A00		A01		D07			
1.7	QHI	CN3	Kỹ thuật năng lượng*	A00		A01		A02	D07- 08		
1.8	QHI		Vật lí kỹ thuật	A00		A01		A02	D07- 08		
1.9	QHI	CN4	Cơ kỹ thuật	A00		A01		A02	D07- 08		
1.1	QHI	CN5	Công nghệ kỹ thuật xây dựng	A00		A01		A02	D07- 08		
1.11	QHI	CN6	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	A00		A01		A02	D07- 08		
1.12	QHI	CN7	Công nghệ Hàng không vũ trụ*	A00		A01		D07			
1.13	QHI	CN8	Khoa học Máy tính** CTĐT CLC TT23	A00	Toán , Lý	A01	Toán , Anh	A02	Toán, Lý	D07- 08	Toán, Anh
1.14	QHI	CN9	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông** CTĐT CLC TT23	A00	Toán, Lý	A01	Toán, Anh	A02	Toán, Lý	D07- 08	Toán, Anh